

TIẾNG HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CƯ DÂN HƠN NỬA THẾ KỶ QUA

GS. TS Đinh Văn Đức*

1. Vào dịp kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, một câu hỏi về văn hoá lại đặt ra với những người yêu mến Hà Nội - đó là hơn nửa thế kỷ qua, cư dân Hà Nội với những thay đổi rất lớn do những chuyển biến lịch sử, vậy thì liệu: *Khái niệm tiếng Hà Nội có còn tồn tại không và nếu có thì nên nhận diện nó ra sao?*

Câu hỏi này vừa giàu cảm xúc vừa đậm nỗi lo lắng của những người yêu mến và tự hào về Hà Nội như thể nhớ tiếc một cái gì đó đẹp đẽ một thời đã đi qua khó trở lại. Câu hỏi này, tuy vậy, lại không thể trả lời bằng cảm xúc được mà phải kinh qua khảo sát thực tế tiếng nói và kết hợp với các biện minh bằng lý luận ngôn ngữ học.

Bản tham luận khoa học này là nội dung một phần đề tài nghiên cứu ngôn ngữ mà chúng tôi có ý định thực hiện trong vài năm tới trong một chương trình về Ngôn ngữ và văn hoá Hà Nội mà khoa Ngôn ngữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn phối hợp với Hội Ngôn ngữ học Hà Nội tiến hành sau Lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

2. *Tiếng Hà Nội* là khái niệm hình thành một cách tự nhiên, thực tế (cũng như tiếng Huế, tiếng Nghệ, tiếng Sài Gòn,...) nhưng phù hợp với Phương ngữ học địa lý (Geografic Dialectology) dùng để chỉ ngôn ngữ Việt của một vùng đất (Regional Dialect) có lý do lịch sử, địa lý, văn hoá, xã hội lâu đời,... Theo đó, tiếng Hà Nội được mọi người hiểu một cách ước lệ như là ngôn ngữ của chốn thị thành (đô thị Hà Nội) trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX trở về trước.

Tuy nhiên, ngay cả lúc đó, trong bối cảnh cụ thể, tiếng Hà Nội giới hạn là ngôn ngữ của một đô thị song:

a) Tiếng nói của người Hà Nội vẫn là một bộ phận không tách rời ngôn ngữ của cư dân đồng bằng sông Hồng.

* Đại học Quốc gia Hà Nội.

b) Một đô thị đất không rộng (vài mươi cây số vuông), người không đông (10 vạn đầu thế kỷ, 25 vạn vào khoảng 1954), kinh tế hàng hoá nhỏ, phi công nghiệp, giao thông kém phát triển.

c) Giao lưu, tiếp xúc hạn chế. Tốc độ di dân hầu như không đáng kể. Cấu trúc dân cư đơn giản, phần lớn là công chức, thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ; nếp sống lặng lẽ, thanh bạch, lấy nền tảng gia đình (gia phong) là chính.

Trong cảnh huống ngôn ngữ ấy, tiếng Hà Nội được coi là thứ phương ngữ thanh tao, nhẹ nhàng của người Tràng An, một ốc đảo không xô bồ, phân biệt với ngôn ngữ những chốn khác.

3. Tuy nhiên, xét từ phương diện phương ngữ học (cả trên bình diện địa lý và xã hội), từ trước đó, thì tiếng Hà Nội không hình thành trong một ngày.

Thế kỷ XVIII là thời kỳ cực thịnh của chốn Kinh kỳ (“Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến”), Thăng Long là nơi có nền kinh tế “trên bến dưới thuyền” mà hai lực lượng cư dân chính là thương nhân và thợ thủ công với các quần công và quần thương (các phường có trước các phố). Dân cư bản địa (các làng sở tại) chắc không nhiều cùng với dân nhập cư ngày một đông hình thành một cộng đồng mới. *Trẻ em sinh ra, lớn lên, nói tiếng nói không phải của bố mẹ mang đến nơi quần cư mới mà chúng học được ngay từ cái cộng đồng chúng sống và do chính chúng tạo ra từ học lẫn nhau.* Đó là khởi thủy của tiếng Hà Nội.

Đây là một vấn đề có tính lý luận ít nhất là đúng với tiếng Hà Nội, theo chúng tôi, đã hai lần được định hình trong vài thế kỷ qua: *Tiếng Hà Nội xuất hiện trong quá trình “bắt chước xã hội” của ngôn ngữ trẻ em.* Nhìn tiếng Hà Nội phải bắt đầu từ ngôn ngữ trẻ em chứ không phải từ tiếng nói của người lớn nhập cư. Khoa ngôn ngữ học nhân chủng và ngôn ngữ trẻ em đã có cơ sở lý luận cho vấn đề này.

4. Năm 1921, nhà ngôn ngữ nhân chủng Mỹ E. Sapir có nhận xét rằng với trẻ em: “Quá trình biết nói khác hẳn quá trình biết đi”¹; biết đi thiên về tập quán di truyền sinh học, còn biết nói là tập quán văn hoá xã hội cổ truyền được phát huy. Đứa trẻ sinh ra ở đâu sẽ tuân theo tiếng nói của cái môi trường xã hội mà nó tồn tại, bất kể cha mẹ chúng từ đâu tới và nói thứ tiếng nói nào. Chúng theo số đông chứ không theo cái gia đình nhỏ bé.

Theo E. Sapir thì: “Lời nói là một hoạt động của con người, nó thay đổi không bị hạn chế bởi một giới hạn rõ ràng khi chuyển từ một tập thể xã hội này sang một tập thể xã hội khác, bởi vì tiếng nói là một di sản của một tập thể có tính chất thuần túy lịch sử, một sản phẩm của tập quán lâu đời của xã hội”².

5. Nhà ngôn ngữ học lớn nhất thế kỷ XX, GS. Noam Chomsky cũng giải thích vấn đề này một cách xuất sắc khi ông biện minh về Ngữ năng và khả năng thụ đắc ngôn ngữ ở trẻ em³.

Chomsky đặt ra vấn đề rộng hơn để lý giải ngôn ngữ là cái gì? Tại sao con người lại biết nói? Con người học nói (hay gọi là thụ đắc ngôn ngữ) như thế nào? Năng lực ngôn ngữ, nhận thức của con người với ngôn ngữ là như thế nào? Ông cho rằng một đứa trẻ khi đến tuổi đi đến trường thì đã nắm vững khá tốt cấu trúc tiếng mẹ đẻ. Chúng học ngôn ngữ không như học toán (đứa trẻ lớp 2 không thể làm được toán lớp 5, nhưng trẻ ở vào tuổi học đường đã có được ngữ năng như người lớn). Có thể nói, về trí tuệ thì trẻ em thua người lớn trong nhận thức thế giới xung quanh cũng như quan hệ giữa con người với con

người. Nhưng với ngôn ngữ thì khác, khi đứa trẻ đạt đến tuổi đó, nó học các môn toán, khoa học tự nhiên thì có thể chưa đạt về mặt tri thức nhưng với ngôn ngữ thì đứa trẻ đó có thể đáp ứng được mọi nhu cầu giao tiếp cần thiết. Đó là câu hỏi lớn làm chúng ta hết sức ngạc nhiên. Không phải là bất chước đơn giản theo lối máy miệng *thụ đắc ngôn ngữ* là vấn đề ta cần nghiên cứu và cần suy nghĩ. Mặt khác, trong quá trình giao tiếp, *đứa trẻ được nghe cái ngôn ngữ không phải lúc nào cũng chuẩn, thậm chí còn phi chuẩn, phi quy tắc ngữ pháp nhưng đứa trẻ vẫn thụ đắc được ngôn ngữ chuẩn, dùng đó để đối chiếu với tất cả những gì nó nghe được, nhận diện được từ những ngôn ngữ chưa chuẩn*⁴.

6. Mặc dầu, ở thời kỳ đầu, ngôn ngữ của trẻ em 5, 6 tuổi là hữu hạn nhưng khả năng tiếp nhận là vô hạn, không phải do bất chước mà có khả năng nói được những câu trong đời chưa bao giờ nói, có thể hiểu được những câu lần đầu tiên trong đời nó nghe thấy. Nói một cách khác, ngôn ngữ trẻ em rất quan trọng vì trẻ em học được trong số những lời nói hữu hạn mà chúng sở hữu một hệ thống ngữ pháp khá hoàn chỉnh. Cái đó tuy hữu hạn nhưng nó lại mở ra khả năng không giới hạn. Đây là điều rất quan trọng. Như chúng ta đã biết, trẻ em có rất nhiều năng khiếu: toán, hội hoạ, có em có năng khiếu về kỹ thuật,... nhưng *đối với tiếng mẹ đẻ, chúng được lại học gần như giống nhau và kết quả biểu đạt năng lực cùng ngôn ngữ là gần như giống nhau. Cái biểu hiện có thể khác nhau nhưng năng lực biểu hiện thì giống nhau (cùng một ngôn ngữ và cùng một lứa tuổi). Trình độ đó không bị ảnh hưởng lớn về môi trường vật chất, mà chỉ con người mới có.*

Từ đó, Chomsky có nhận xét rằng gần như con người có năng lực ngôn ngữ bẩm sinh, trong đó, ông cho rằng một con người mới sinh ra chưa có nhận thức về tính chất cơ bản của ngôn ngữ lại có thể đọc được những cấu trúc ngôn ngữ. Ngôn ngữ trẻ em quan trọng ở chỗ, khi trẻ tập nói, có khái niệm tiếp nhận ngôn ngữ, có thể nói bằng cơ chế thụ đắc ngôn ngữ, cái đã làm cho em bé bình thường nhất chỉ cần tiếp xúc với ngữ điệu, với môi trường là có thể học được ngôn ngữ trong khoảng thời gian không lâu.

7. Tất nhiên, Chomsky cũng nghĩ rằng cơ chế thụ đắc ngôn ngữ cũng chỉ là giả định, cho đến nay ta vẫn chưa chứng minh được điều đó. Theo ông, nội dung hay những vấn đề cơ bản của cơ chế thụ đắc ngôn ngữ không có cách nào khác là dùng phương pháp suy luận để luận ra giả thuyết ban đầu. Hành động ngôn ngữ của con người đã được Chomsky nhận xét là khác hoàn toàn với các hành vi của loài vật bởi vì con người mới có năng lực khái hoá, trừu tượng hoá và tạo ra những quyết định. Như vậy, theo ông, con người ngay từ ban đầu đã có một cơ chế gì đó trong não bộ để cho phép người ta tri nhận ngôn ngữ, nếu không làm sao tiến hành được thụ đắc ngôn ngữ dễ dàng như vậy. Ông cho rằng năng lực hiểu biết ngôn ngữ của con người rất tốt, người ta không biết ngôn ngữ này thì biết ngôn ngữ khác.

Một đứa trẻ lớn lên ở môi trường tiếng Việt thì nó thụ đắc ngôn ngữ tiếng Việt và ở môi trường khác thì nó thụ đắc ngôn ngữ khác. Trẻ em *có khả năng tri nhận chung* về ngôn ngữ chứ không phải chỉ có khả năng cho riêng ngôn ngữ nào. Cơ chế thụ đắc ngôn ngữ cũng rất phong phú, nếu không thì làm sao một đứa trẻ lên 6 hay 7 tuổi lại có khả năng nói năng tốt như vậy. Tuy nhiên khả năng đó là không có giới hạn nhưng ngôn ngữ cụ thể các em dùng để hành chức lại giới hạn.

8. Trở lại với thực tế của tiếng nói người Hà Nội. Trong vài thế kỷ, sau những sôi nổi của giai đoạn “Kinh kỳ”, Thăng Long trở thành tỉnh Hà Nội⁵ khi nhà Nguyễn dời đô vào Phú Xuân (Huế). Đời sống đô thị ở đây chuyển biến chậm chạp, phương ngữ Hà Nội trở

nên khá ổn định qua 6 - 7 thế hệ cư dân ít xáo trộn. Ngữ âm, từ vựng, phong cách được chuẩn hoá một cách tự nhiên. Trẻ con lớn lên cũng thụ đắc ngôn ngữ một cách tự nhiên như thế. Tiếng Hà Nội từ năm 1945 trở về trước cũng gắn với xã hội tĩnh tại, văn hoá thâm trầm của bao nhiêu lắng đọng từ trong quá khứ.

Tất cả cấu trúc cư dân và ngôn ngữ của người Hà Nội đã có thay đổi lớn trong hơn nửa thế kỷ qua với hai sự kiện lớn lao: Cách mạng tháng Tám 1945 và công cuộc Đổi mới năm 1986.

Với cuộc Cách mạng tháng Tám, nước ta đã giành được độc lập. Tiếng Việt cũng được độc lập. Hà Nội trở thành là Thủ đô của một nước Việt Nam mới. Công cuộc xóa nạn mù chữ đã đưa dân ta đến đa phần biết đọc, biết viết. Trường học dạy bằng tiếng mẹ đẻ, báo chí và thông tin đại chúng bằng quốc ngữ. Tiếng Hà Nội cũng đứng trước vận hội mới và cũng bắt đầu một cuộc thay đổi lần thứ hai như một tất yếu.

9. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1946) đã *phân tán dân cư Hà Nội* mở đầu cho sự thay đổi ("Người Hà Nội hôm nay ra đi, mang theo mình bao nhiêu nỗi nhớ"⁶), trẻ em Hà Nội tản cư đến các tỉnh và một số em được sinh ra ở Việt Bắc, Khu 3, Khu 4,... để 8 năm sau trở về Hà Nội mang theo những sắc thái địa phương trong ngôn ngữ của mình. Đó là điều ít ai để ý. Từ năm 1950, việc "hồi cư" đã diễn ra, nhưng không chỉ có người hàng phố xưa trở về Hà Nội. Để tránh bom đạn và tránh bị bắt lính ở vùng tạm chiếm, một số lượng đáng kể người các tỉnh cũng di dân vào thành phố để tạm cư. Dân số Hà Nội tăng lên về cơ học *lặng lẽ* tạo ra những biến đổi ngôn ngữ của thành phố xưa.

Ngày hòa bình lập lại (1954), một bộ phận nhỏ cư dân Hà Nội đã di cư vào Nam, nhưng thay vào đó là: "Năm cửa ô đón mừng, đoàn quân tiến về" cùng với "lớp lớp đoàn quân tiến về"⁷, cư dân Hà Nội bắt đầu một sự thay đổi thật sự trong cơ cấu.

Sự thay đổi đầu tiên diễn ra trong mười năm đầu trước chiến tranh chống Mỹ, dân cư Hà Nội, theo đó, đã có thêm những thành phần mới:

- Quân nhân và cán bộ kháng chiến về tiếp quản Hà Nội rồi lưu lại.
- Công chức, viên chức của bộ máy hành chính sự nghiệp trung ương tăng cường nhanh chóng cho các cơ quan cùng với một phần gia đình họ.
- Sinh viên các trường đại học và trung cấp chuyên nghiệp đến từ các tỉnh.
- Công nhân từ các địa phương đến các nhà máy, khu công nghiệp mới xây dựng trong hai Kế hoạch 5 năm.
- Cán bộ và đồng bào miền Nam tập kết.

Trong mười năm này, dân số nội đô Hà Nội đã tăng từ 25 vạn (1954) lên một triệu (1964)⁸. Điều đó có nghĩa là cứ 10 người dân Thủ đô thì đã có tới 7,5 người không nói tiếng Hà Nội trước đó nữa. Một tất yếu là ngôn ngữ Hà Nội gốc đã bị thay đổi qua các tiếp xúc xã hội. Tuy nhiên, cũng trong mười năm ấy, một thế hệ trẻ em đã được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Hà Nội. Nếu lấy tỷ lệ tăng dân số 2,5%/năm thời đó thì đã có khoảng 20 vạn trẻ em chào đời, theo học ở nhà trẻ, mẫu giáo và hết cấp I (lớp 4 cũ). Với ngữ năng ở tuổi tiền học đường và học đường, các em đã thụ đắc ngôn ngữ theo xã hội chứ không theo gia đình. Sự bắt chước xã hội đã khiến các em nói tiếng địa phương Hà Nội vốn có từ trước, khác hẳn với ngôn ngữ của bố mẹ chuyển cư từ khu 4, khu 5 hay các nơi khác. Như

vậy tiếng Hà Nội cũ vẫn được tiếp tục nhưng đã có thêm những yếu tố văn hoá, xã hội mới, những điều chỉnh mới, phát triển mới, tiếp cận nhiều hơn với ngôn ngữ toàn dân trong thời buổi có nhiều giao lưu hơn.

Kể từ năm 1954, Hà Nội liên tục có một lớp người được sinh ra, lớn lên với ngôn ngữ riêng của họ và tỷ lệ cũng tăng dần theo số dân. Ngôn ngữ trẻ em trước sau vẫn là cái nền của tiếng Hà Nội: Tất cả trẻ em không di dân, học sinh phổ thông của thành phố đều có giọng nói giống nhau. Bố mẹ các em đều nhận ra điều đó và đều vui mừng vì con mình đã có một tiêu chí bền vững của dân Thủ đô: ngôn ngữ, cái ngôn ngữ không lẫn với các nơi khác.

10. Khoảng thời gian 10 năm sau chiến tranh (1975 - 1985), cho dù đất nước đã thống nhất, quy luật tăng dân số Hà Nội dường như lặp lại theo đúng quy tắc và cơ cấu của giai đoạn trước chiến tranh. Nền kinh tế tập trung kế hoạch hoá (bao cấp) tiếp tục gia tăng cơ cấu dân số phi thương mại. Dân số trong khu vực buôn bán rất nhỏ và hầu như không tăng, trong khi đó bộ máy hành chính bao cấp (trung ương và Hà Nội) ngày một phình ra và trở thành gánh nặng xã hội cho thành phố. Đến năm 1985, dân số thành phố (theo hộ khẩu) đã gần hai triệu. Trên phương diện ngôn ngữ, trẻ em tiếp tục được sinh ra (với tốc độ gần 3% sau chiến tranh) và ngôn ngữ của lớp người này tiếp tục củng cố cho cơ tầng của ngôn ngữ địa phương Hà Nội, vừa tiếp nối, vừa đổi mới ngôn ngữ xưa của vùng đất này. Ngôn ngữ ấy vẫn là gần nhất với tiếng nói chuẩn được phát chính thức trên đài phát thanh và truyền hình cho dù 70% người lớn nói tiếng nói của di dân.

Công cuộc Đổi mới đã tạo ra một chuyển biến rất to lớn trong mọi mặt của đời sống trong 25 năm qua cũng ảnh hưởng rất mạnh mẽ và sâu sắc đến cơ cấu dân cư Thủ đô Hà Nội, cũng từ đó ảnh hưởng đến các biến đổi ngôn ngữ. Cơ chế kinh tế thị trường mở ra. Giao lưu buôn bán trở nên phát đạt. Đất nước mở cửa hội nhập quốc tế. Việc đô thị hoá nhanh chóng đã làm cho sự tăng dân số cơ học ở Hà Nội có tốc độ rất lớn. Trong hơn hai mươi năm, dân số khu vực nội thành đã tăng gấp đôi (theo hộ khẩu) cùng với hàng triệu người lưu trú (KT3) và khách vắng lai, cả triệu sinh viên và học sinh chuyên nghiệp từ các địa phương,...

11. Về mặt ngôn ngữ, áp lực từ cơ cấu dân số ấy làm cho ta có cảm giác là “tiếng Hà Nội đã biến mất”, rằng “đi đâu cũng chỉ thấy người nói tiếng ngoại tỉnh”,... Nếu chỉ quan sát ngôn ngữ bộ phận dân cư người lớn thì dường như điều đó là thực tế (Ví dụ: Khoa Ngôn ngữ học trường chúng tôi có khoảng 30 giáo viên, chỉ có 2 Giáo sư quê Hà Nội, nói tiếng Hà Nội thuở trước⁹). Tuy nhiên, xét về phương diện khoa học ngôn ngữ thì cái thực tế ấy lại chỉ nằm ở lớp trên, là bề nổi của các tiếp xúc xã hội của ngôn ngữ như một tất yếu của biến động cơ học dân cư. Sóng biển to đến đâu cũng chỉ lay động mấy chục mét nước bề nổi, môi trường dưới sâu vẫn ổn định. Ngôn ngữ cũng vậy. Cơ tầng phía dưới của tiếng Hà Nội: ngôn ngữ trẻ em và thế hệ trẻ sinh ra, lớn lên trên mảnh đất này trước sau vẫn là nền tảng bền vững của tiếng Hà Nội hiện đại. Chúng ta hãy quan sát từ trong gia đình đến ngoài xã hội, tất cả trẻ em từ mẫu giáo đến hết trung học phổ thông sinh ra và lớn lên ở Hà Nội (nội thành) đều nói một thứ ngôn ngữ giống nhau (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách). Nói theo ngôn ngữ học là chúng có chung cả *ngữ năng* (Competence) và *ngữ thi* (Performance)¹⁰. Cái ngôn ngữ ấy bố mẹ chúng không can thiệp, không hướng dẫn được, nó được tạo ra như một thiết chế xã hội tự nguyện của người bản địa. Cái ngôn ngữ ấy ngày một đông người nói hơn (trẻ em tăng lên không ngừng) và sẽ

thay thế cho ngôn ngữ bề nổi của thể hệ trước (những người thuộc diện di dân). “Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai” (UNICEF). Câu ấy cũng đúng với ngôn ngữ: “Ngôn ngữ trẻ em Thủ đô hôm nay cũng là tiếng Hà Nội ngày mai”. Khi quá trình di dân cơ học tạm ổn định, qua vài thế hệ, ngôn ngữ trẻ em Hà Nội sẽ trở thành tiếng Hà Nội ngày mới. Quá trình đó hiện đang diễn ra và sẽ nhanh, liên tục.

12. Vậy là ở Hà Nội hiện nay tiếng nói có hai lớp: Hạ tầng là ngôn ngữ trẻ em và thể hệ trẻ, thượng tầng là ngôn ngữ của những người phi bản địa (di dân). Hạ tầng là cái quyết định.

Nói như thế có thể đúng nhưng chưa đủ. Ngôn ngữ là công cụ tương tác xã hội nên nó cũng có những tương tác rất lớn qua các tiếp xúc. Chúng ta chỉ mới nói đến ngôn ngữ trẻ em ở hạ tầng của tiếng Hà Nội. Vậy người lớn thì sao?

Hiện tượng “pha tiếng” là một tất yếu xã hội qua tiếp xúc ngôn ngữ, không riêng ở Hà Nội, với áp lực lớn từ giao tiếp của ngôn ngữ bản địa. Những người thuộc diện di dân đến Hà Nội nếu không phải là “khách vắng lai” thì trong một thời gian ngắn nhất định ít nhiều đều bị “đồng hoá” ngôn ngữ bởi áp lực từ tiếng nói bản địa¹¹. Trước nhất vẫn là những trẻ em di dân: chỉ một thời gian không lâu sau khi định cư, lớp trẻ em này sẽ nhanh chóng nói ngôn ngữ của nơi cư trú, nghĩa là tiếng Hà Nội, hòa nhập khá nhanh với học sinh sở tại. Sinh viên đến học tập ở Hà Nội 4 - 5 năm cũng không nói ngôn ngữ thuần quê hương của họ. Sự tác động ấy có hệ thống, tất nhiên, đối với thể hệ người lớn tuổi thì không mạnh do chỗ họ bị giới hạn nhiều trong các tiếp xúc, và đôi khi cả vì ý thức giữ gìn tiếng nói quê hương (“Chứ cha không bằng pha tiếng!”). Sự giao lưu làm đảo lộn các phương ngữ, nhưng mạnh nhất vẫn là ngôn ngữ trẻ em bản địa.

Tiếng Hà Nội mới ngày càng được củng cố và phổ biến nhờ các tác động xã hội, trước hết là qua tiếng nói trẻ em, qua ngôn ngữ phát thanh và truyền hình hàng ngày, ngôn ngữ của các quần thể học đường (nhất là mẫu giáo, tiểu học và trung học phổ thông), ngôn ngữ của các sản phẩm nghệ thuật (phim ảnh, ca nhạc) và truyền thông xã hội. Ngôn ngữ phát thanh và truyền hình có tác động lớn đến nỗi, ngày nay đồng bào miền núi nói tiếng Việt chuẩn mực theo giọng Hà Nội có thể là còn tốt hơn cả cư dân Hà Nội.

13. Nhìn rộng ra, tiếng Hà Nội trong cảnh huông của ngôn ngữ quốc gia, đều đang đi cùng một quy luật: Ngôn ngữ của các đô thị đang biến đổi rất nhanh từ bối cảnh xã hội. Tiếng Sài Gòn nay cũng đã khác xưa rất nhiều qua sự xáo trộn cư dân hơn ba mươi năm. Chỉ có tiếng Huế là dường như biến đổi có chậm hơn do tính chất “ốc đảo” của một đô thị tĩnh tại. Một quan sát khác để minh họa thêm: Phương ngữ Nghệ An xưa nay là một tiếng địa phương rất tiêu biểu. Tuy nhiên, ngôn ngữ ở thành phố Vinh hiện nay đã khá khác so với tiếng nói của đồng bào các huyện. Người thành Vinh, nhất là trẻ em, đã nói nhẹ hơn rất nhiều, có thiên hướng hội nhập rất rõ với ngôn ngữ toàn dân. Yếu tố di dân ở đây tuy không lớn bằng các tương tác ngôn ngữ qua các kênh truyền thông và học đường, nhưng các biến động vẫn liên tục diễn ra ở hạ tầng. Nhìn rộng hơn, tiếng Việt của chúng ta trường tồn cũng nhờ vào độ bền của ngôn ngữ bản địa. Trải qua một ngàn năm Bắc thuộc, chịu áp lực rất lớn của tiếng Hán, nhưng tiếng nói của người Việt (bản địa) không bị đồng hoá, trái lại, qua tiếp xúc, sự hình thành cách đọc Hán Việt chính là kết quả của việc người Việt phát âm các từ ngữ tiếng Hán theo cách phát âm của người Việt¹². Từ Hán Việt là từ Việt có gốc Hán đã được người Việt phát âm theo kiểu Việt rồi.

14. Bản tham luận này chưa đề cập đến diện mạo thực tế của tiếng Hà Nội ngày nay. Cần phải có thời gian và những điều tra điền dã nghiêm túc mới có thể mô tả chính xác được. Không nên nhìn một số hiện tượng phi chuẩn, “ô nhiễm” trong giao tiếp ngôn ngữ của một số người (ngôn ngữ đường phố, chợ búa, thiếu lịch sự, thiếu văn hoá,...) kể cả của một số thuộc giới trẻ để kết luận rằng không có tiếng Hà Nội (như xưa) nữa. Thực ra, nhận xét nhanh thì cũng thấy là tiếng Hà Nội ngày nay, một cách chung nhất, được phát âm vẫn rất tốt, làm chuẩn mực cho ngôn ngữ toàn dân (tiếng phổ thông), tốc độ nói nhanh hơn, cường độ mạnh hơn, thái độ tự tin hơn, tình thái đa dạng hơn, và phong cách nói có đơn giản hơn trong các nghi thức lời nói ở một xã hội đang hướng đến công nghiệp hoá.

Thành ngữ có câu: “Con chị nó đi, con dì nó lớn”, câu này cũng rất hợp với tiếng Hà Nội. Tiếng Hà Nội xưa thanh tao, lịch lãm (của 10 vạn người) đã nhường chỗ cho tiếng Hà Nội mới khỏe khoắn, tự tin, giàu từ vựng hiện vẫn làm nòng cốt của một thứ ngôn ngữ đặc trưng, đại diện cho ngôn ngữ toàn dân (tiếng Việt) với ít nhất là ngôn ngữ của hàng triệu trẻ em và thanh niên Thủ đô giờ đây.

Một nhà văn Nga đã viết: “Quá khứ bao giờ cũng có vẻ diệu kỳ và thơ mộng của nó, nhưng hiểu được cái huy hoàng của hiện tại mới là điều khó hơn nhiều”. Với tiếng Hà Nội, điều đó cũng hoàn toàn đúng: Tiếng Hà Nội xưa chuẩn mực, nhẹ nhàng, thanh lịch, tiếng Hà Nội nay cũng có rất nhiều cái hay, cái mới mà chúng ta cần suy nghĩ và tìm hiểu một cách sâu sắc.

CHÚ THÍCH

- ¹ Sapir E., *Ngôn ngữ: Dẫn luận vào việc nghiên cứu tiếng nói*, Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
- ² Sapir E., 2000, *Ngôn ngữ: Dẫn luận vào việc nghiên cứu tiếng nói*, sđd, tr.16.
- ³ Chomsky N., *Nhận thức khởi đầu cho ngôn ngữ học Cải biến - Tạo sinh*, 1957 và 1965.
- ⁴ Chomsky N., Dẫn theo Lưu Nhuận Thanh, 2005. *Các trường phái ngôn ngữ học phương Tây*, NXB Lao động.
- ⁵ Hà Nội có thời kỳ trở thành một tỉnh, có lúc do một quan Tổng trấn cai quản. Hoàng Diệu, khi Pháp tấn công Hà Nội lần thứ hai (1882), đang là Tổng trấn Hà Nội - Ninh Bình.
- ⁶ Ca từ của Nguyễn Đức Toàn.
- ⁷ Ca từ của Văn Cao.
- ⁸ Theo thông tin dân số từ các sổ báo *Hà Nội Mới*, năm 2009.
- ⁹ GS Nguyễn Cao Đàm (sinh năm 1930) và GS Đoàn Thiện Thuật (sinh năm 1934).
- ¹⁰ Hai khái niệm quan trọng về cơ chế hoạt động ngôn ngữ của Chomsky N.
- ¹¹ Xin xem: Trịnh Cẩm Lan, Các tài liệu đã dẫn trong tài liệu tham khảo cho bài này.
- ¹² Theo Nguyễn Tài Cẩn, 1979, *Nguồn gốc và sự hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.